

PHỤ LỤC 09
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2022
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-STC ngày 10/01/2024 của Giám đốc Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

STT	Dự án, công trình	Giá chỉ định thầu	Ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	Giá trị đề nghị quyết toán	Ngày trình phê duyệt quyết toán	Giá trị quyết toán hoàn thành	Ngày phê duyệt quyết toán	Giá trị giảm sau quyết toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5-3
I	Công trình đã quyết toán	15.611.515.281		14.163.820.100		14.163.820.100		0
1	XD Thư viện xanh Trường Tiểu học số 1	497.934.000	5/25/2021	497.934.000	9/19/2022	497.934.000	11/28/2022	0
2	XD Tường rào Trường Tiểu học số 1	929.434.000	8/12/2021	929.434.000	9/19/2022	929.434.000	11/28/2022	0
3	Xây dựng Lều chợ An Trạch năm 2021	563.651.000	8/19/2021	563.651.000	9/19/2022	563.651.000	11/28/2022	0
4	Xây dựng Nhà Vệ sinh chợ An Trạch	397.144.000	8/30/2021	392.177.000	9/19/2022	392.177.000	11/28/2022	0
5	KCHKM từ Vườn Du bờ làng đến Bà Chiểu	362.828.000	9/4/2021	359.609.706	9/1/2022	359.609.706	9/14/2022	0
6	KCHKM từ công sân bắn đến gò miễu - từ phai gò miễu đến tràn Cù Lao - từ phai hồ Cây da đến Vũng Nong	967.284.000	9/4/2021	956.986.473	9/1/2022	956.986.473	9/14/2022	0
7	KCHKM từ vườn ươm Nhân xuống ngõ Lý	615.619.000	9/6/2021	608.641.599	9/1/2023	608.641.599	9/14/2022	0
8	KCHKM từ phai 2/9 giáp ruộng sông Võ Thê - KCHKM từ cây trường giáp sông Võ Thê - Từ phai bầu trai đến mương ngang	519.142.000	9/6/2021	513.490.108	9/1/2022	513.490.108	9/14/2022	0
9	KCHKM từ Cào cỏ đến đồng Quảng - từ giữa đồng trên và đồng cù lao - từ mương bạc nén đến suối dừa - từ Ngọc Lâm đến đám Cườm	719.489.000	9/6/2021	712.122.500	9/1/2022	712.122.500	9/13/2022	0
10	KCHKM từ Phai Bầu Trảy đến đồng Cò Ke	297.172.555	9/6/2021	297.172.555	9/1/2022	297.172.555	9/14/2022	0
11	KCHKM từ tràn đồng Quảng đến suối - từ đường bê tông đến mương tràn đồng quảng đến suối - từ đường bê tông đến mương dừa - từ mương bê tông gò thờ đến mương dừa.	834.007.000	9/6/2021	825.861.493	9/1/2022	825.861.493	9/14/2022	0
12	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 2 năm 2021	284.857.726	11/15/2021	287.588.726	9/19/2022	287.588.726	11/28/2022	0
13	Ngã 3 Mảnh Hồ - Hành lang đường sắt	823.701.000	12/20/2021	804.604.387	9/19/2022	804.604.387	11/28/2022	0
14	Đường BTXM GTNT thôn Bình An 2 năm 2021	117.840.000	12/22/2021	119.346.553	9/19/2022	119.346.553	11/28/2022	0
15	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2021	1.214.583.000	12/22/2021					0
16	Sửa chữa đường BTXM GT nông thôn năm 2021	832.193.000	12/20/2021	832.193.000	9/19/2022	832.193.000	11/28/2022	0
17	Sửa chữa đê sông Hà Thanh do lũ lụt năm 2020	761.603.000	10/22/2021	716.168.000	9/19/2022	716.168.000	11/28/2022	0
18	Xây dựng tường rào Trường Mầm non Phước Thành	792.633.000	12/22/2021	759.940.000	9/19/2022	759.940.000	11/28/2022	0
19	Xây dựng sân khấu, vườn cỏ tích Trường MN Phước Thành	1.061.297.000	12/22/2021	1.015.427.000	9/19/2022	1.015.427.000	11/28/2022	0
20	Xây dựng tường rào phía đông, sân nền Trường Tiểu học số 1	1.102.055.000	12/30/2021	1.054.424.000	9/19/2022	1.054.424.000	11/25/2022	0
21	Lắp đặt nắp đậy Mương thoát nước Chợ Quán rập	237.452.000	1/12/2022	237.452.000	9/19/2022	237.452.000	11/25/2022	0
22	XD Tường rào Trường Tiểu học số 2 năm 2022	655.625.000	1/28/2022	655.625.000	9/19/2022	655.625.000	11/25/2022	0
23	XD Tường rào Trường THCS năm 2021	341.794.000	1/28/2022	341.794.000	9/19/2022	341.794.000	11/28/2022	0

ĐVT: Đồng

STT	Dự án, công trình	Giá chỉ định thầu	Ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	Giá trị đề nghị quyết toán	Ngày trình phê duyệt quyết toán	Giá trị quyết toán hoàn thành	Ngày phê duyệt quyết toán	Giá trị giảm sau quyết toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5-3
24	XD Nhà Vệ sinh Trường THCS	682.177.000	1/28/2022	682.177.000	9/16/2022	682.177.000	11/28/2022	0
II	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa quyết toán	15.661.647.000						
a	Công trình chuyển tiếp	492.823.000						
1	Lắp đặt bảng đèn Led Nhà làm việc UBND xã, Nhà văn hóa xã	492.823.000	12/30/2022	chưa lập hồ sơ trình QT				
b	Công trình xây mới	15.168.824.000		0		0		
1	Mở rộng đường BTGT đoạn từ QL 19C đến cổng Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	672.691.000	2/17/2022	chưa lập hồ sơ trình QT				
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Bình An 1, xã Phước Thành phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	109.183.000	7/14/2022	nt				
3	Duy tu sửa chữa đê sông Hà Thanh	310.413.000	25/08/2022	nt				
4	Xây dựng vườn cổ tích Trường Tiểu học số 2	1.112.732.000	9/8/2022	nt				
5	Xây dựng bờ ban ngã ba thôn Bình An 2	855.786.000	10/18/2022	nt				
6	Mở rộng BTGTNT đoạn từ cổng chào đến Trường mẫu giáo thôn Bình An 1	721.700.000	10/25/2022	nt				
7	Khắc phục đường GTNT do thiết hại lũ lụt năm 2021; Hạng mục: Tràn cây Xoài, tràn Đồng Trên	967.345.000	10/27/2022	nt				
8	Xây dựng Cầu Mương Sanh	1.095.981.000	31/11/2022	nt				
9	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 2 năm 2022	44.200.000	12/20/2022	nt				
10	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2022	1.247.000.000	12/20/2022	nt				
11	Đường BTXM GTNT thôn Bình An 2 năm 2022	1.184.800.000	12/20/2022	nt				
12	KCHKM Miếu bà - ruộng phong; giếng Vườn Thạch - ruộng Thời; Ngõ Chằm - Cầu Giang	291.676.000	12/24/2022	nt				
13	KCHKM ngõ Ghi - ngõ Kỳ; Rộc Sung - sông Hà Thanh; ruộng Chùa - Mương 2/9	404.659.000	12/24/2022	nt				
14	KCHKM Đồng Quảng - phai 2; Gò Thờ - ruộng Tiến; ngõ Dững Vườn Du; Bờ bạn Quế - Bờ làng; Vũng Tròn - Bà Chiểu	907.208.000	12/24/2022	nt				
15	Bê tông sân nền Trường THCS	244.300.000	1/2/2023	nt				
16	Xây dựng, nâng cấp vò mộ Nghĩa trang liệt sĩ	1.128.279.000	1/2/2023	nt				
17	Tường rào cổng ngõ, và hệ thống thoát nước NVH thôn Cảnh An 2	532.601.000	1/2/2023	nt				

STT	Dự án, công trình	Giá chỉ định thầu	Ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	Giá trị đề nghị quyết toán	Ngày trình phê duyệt quyết toán	Giá trị quyết toán hoàn thành	Ngày phê duyệt quyết toán	Giá trị giảm sau quyết toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5-3
18	Tường rào Trạm y tế xã	650.657.000	2/20/2023	nt				
19	Sửa chữa nhà vệ sinh, tường rào Trường THCS	396.125.000	2/20/2023	nt				
20	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ KDC xóm 1 Bình An 1 đi hóc công.	525.730.000	2/25/2023	nt				
21	BTXM từ mương hoàn cầu đi xóm 1 Bình An 1	1.121.900.000	2/26/2023	nt				
22	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Đồ án: Các điểm khu dân cư tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	340.432.000	3/31/2023	nt				
23	Xây dựng Nhà xe Trường THCS Phước Thành	303.426.000	10/2/2023	nt				
24	Xây dựng bờ ban quế thôn Bình An 2	556.200.000	10/20/2022	nt				
25	Xây dựng kênh mương bờ ban đầu thôn Bình An 2	1.023.226.000	10/20/2022	nt				
III	Công trình chưa nghiệm thu hoàn thành	16.998.253.000						
1	Xây dựng tường rào phía đông, nối sê nô giữa 02 dãy phòng học Trường Tiểu học số 2 Phước Thành	572.400.000						
2	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Tiểu học số 2	1.042.500.000						
3	Tường rào cổng ngõ Trường Mầm non cụm Bình An 2	815.022.000						
4	Tường rào cổng ngõ và sân nền Trường Mầm non cụm Cảnh An 2	979.180.000						
5	Nâng cấp cải tạo nhà xe giáo viên, học sinh, cổng vệ, cổng ngõ, nhà bảo vệ, cột cờ Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	1.011.100.000						
6	Cải tạo vườn cổ tích, khu vận động, đường chạy 60m và sân nền phía sau trường tiểu học số 1 Phước Thành	868.500.000						
7	Nâng cấp cải tạo sân nền, bồn hoa và hệ thống thoát nước phía trước Trường Tiểu học số 1 Phước Thành	1.104.500.000						
8	Xây dựng sân bóng đá, sân nền và hệ thống thoát nước phía sau dãy 12 phòng tăng trường Trường tiểu học số 1 Phước Thành	1.134.600.000						
9	Mở rộng đường BTGT đoạn từ quốc lộ 19C đến KDC xóm 1 thôn Cảnh An 1	471.900.000						
10	Mở rộng đường BTGT đoạn từ cổng chào đến Nhà văn hóa thôn Bình An 2	1.046.634.000						
11	Mở rộng đường BTGT đoạn từ Nhà văn hoá thôn Cảnh An 2 đến Từ đường	961.200.000						
12	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh	385.100.000						

ĐVT: Đồng

STT	Dự án, công trình	Giá chỉ định thầu	Ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	Giá trị đề nghị quyết toán	Ngày trình phê duyệt quyết toán	Giá trị quyết toán hoàn thành	Ngày phê duyệt quyết toán	Giá trị giảm sau quyết toán
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5-3
13	Mở rộng nâng cấp GTNT từ QL 19C đến khu dân cư xóm 2 thôn Cảnh An 1	885.800.000						
14	KCHKM Ngõ Tám Mèo - Giáp suối; Rộc Tâm - Mương Hoàn Cầu	438.500.000						
15	KCHKM mương giữa đồng trên; Mốc mèo - Cây Gáo; bờ bạn đầu - cây Gáo; sân bắn - ruộng Khá Gò Miếu	588.300.000						
16	KCHKM mương Gò Miếu - ruộng Thành Nhân; mương giữa ông Tùng sâu	659.900.000						
17	KCHKM từ đầu Cây Me đến Hóc Ngang	184.200.000						
18	Lắp đặt tuyên truyền Trục quan, Cảnh quan môi trường	1.046.100.000						
19	Nâng cấp mở rộng đường BTXM liên xã đoạn từ Bàu định đến giáp xã Phước An	866.900.000						
20	Xây dựng hệ thống thoát nước đoạn từ Bàu Định giáp xã Phước An	807.600.000						
21	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và sân nền trường Mầm non cụm Bình An 1	772.800.000						
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu tái định cư tại xã Phước Thành phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận huyện Tuy Phước	355.517.000						
	Tổng cộng	48.271.415.281		14.163.820.100		14.163.820.100		0